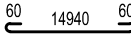
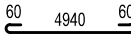
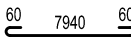
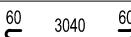
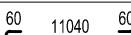
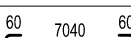
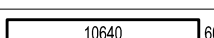
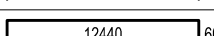
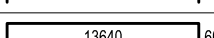
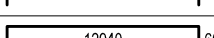
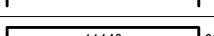


BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
					1 CK	T. BỘ		
SÀN TẦNG 2 (SL: 1)	1		8	15060	10	10	150.6	59.4
	2		8	5060	13	13	65.8	26.0
	3		8	8060	13	13	104.8	41.3
	4		8	3160	10	10	31.6	12.5
	5		8	11160	13	13	145.1	57.2
	6		8	7160	9	9	64.4	25.4
	7	250  60	8	10950	14	14	153.3	60.5
	8	250  60	8	12750	28	28	357	140.9
	9	250  60	8	13950	28	28	390.6	154.1
	10	250  60	8	13250	60	60	795	313.7
	11	250  60	8	11450	14	14	160.3	63.3
	THKL (kg): Ø8: 954.3							

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
					1 CK	T. BỘ		
SÀN MÁI (SL: 1)	1		8	4160	22	22	91.5	36.1
	2		8	3160	28	28	88.5	34.9
	THKL (kg): Ø8: 71.0							